

Thần thoại học ở Việt Nam

Bùi Thị Thiên Thai¹

¹ Viện Văn học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: thienthaitb@gmail.com

Nhận ngày 16 tháng 3 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 15 tháng 9 năm 2020.

Tóm tắt: Trong lĩnh vực thần thoại học, Việt Nam đã có thành công nhất định. Những năm qua, công cuộc điều tra và biên soạn văn học, văn hóa dân gian trên diện rộng đã quét được những văn bản chủ yếu, hệ thống một cách toàn diện về tư liệu văn học dân gian nói chung, thần thoại Việt Nam nói riêng. Đây chính là tiền đề cho những nghiên cứu có chiều sâu của thần thoại học Việt Nam mà khuynh hướng chung chủ yếu đi theo hai hướng: lịch sử - tư tưởng và type - motif. Việc hệ thống những thành quả trong lĩnh vực thần thoại học của Việt Nam sẽ cung cấp một hình ảnh thu nhỏ của quá trình xây dựng ngành thần thoại học của nước nhà, tổng kết những bài học kinh nghiệm và đưa ra một số hướng nghiên cứu thần thoại trong tương lai.

Từ khoá: Nghiên cứu, thần thoại học, Việt Nam.

Phân loại ngành: Văn học

Abstract: In the field of mythology, Vietnam has had some success. Over the past years, the surveying and compilation of the folk literature and folklore on a large scale has resulted in the scanning of major documents, and the comprehensive systemisation of folk literature in general, Vietnamese mythology in particular. This is the premise for in-depth studies of Vietnamese mythology, the general tendency of which mainly goes in two directions of “history – thought” and type - motif. The systematisation of achievements in the field of mythology of Vietnam will provide a miniature image of the process of building the country's sector of mythological studies, summarising lessons learnt and giving a number of directions to the studies in the future.

Keywords: Research, mythology, Vietnam.

Subject classification: Literature

1. Mở đầu

Nhà nghiên cứu Chu Xuân Diên cho rằng: “Việt Nam là mảnh đất vô cùng quý giá cho

việc nghiên cứu so sánh về huyền thoại” [6, tr.3-21]. Tuy nhiên, ông cũng nhận xét: Việt Nam “chưa đáp ứng được bao nhiêu so với yêu cầu phát triển của khoa học về

huyền thoại cũng như khoa học về văn học ở Việt Nam” [6, tr.3-21]. Nhưng đó là những nhận xét về thực trạng nghiên cứu thần thoại ở Việt Nam trong những năm 2005-2007. Tình hình những năm qua dường như đã khả quan hơn. Cụ thể là, về sưu tầm: những đợt sưu tầm và biên soạn văn học, văn hóa dân gian được triển khai một cách có tổ chức trên phạm vi toàn quốc đã khai thác những “vía quặng” mới cho thấy “trữ lượng” khả quan của thần thoại Việt Nam; về nghiên cứu: đã có những chuyển biến mới trong lĩnh vực lý luận và phương pháp nghiên cứu. Bài viết bàn về nghiên cứu thần thoại học ở Việt Nam.

2. Công tác điều tra, sưu tầm, biên soạn

Trong lịch sử nghiên cứu thần thoại Việt Nam, có những dấu mốc quan trọng: thời kỳ quốc gia phong kiến tự chủ (thế kỷ X-XIX) với *Việt điện u linh* (của Lý Tế Xuyên, thế kỷ XIV); *Lĩnh Nam chích quái* (do Trần Thế Pháp soạn từ thế kỷ XIV, nhưng nay chỉ còn lại những bản tục biên của các đời sau, trong đó bản cổ nhất còn lại do Vũ Quỳnh và Kiều Phú nhuận sắc vào thế kỷ XV); *Đại Việt sử ký toàn thư*, phần *Ngoại kỷ* (Ngô Sĩ Liên, thế kỷ XV) với tư cách là những kho tàng tư liệu phong phú về văn hóa dân gian mà trong đó, “nhiều truyện kỳ vĩ nói về nguồn gốc dân tộc, giống nòi, có phần chắc là đã xuất hiện từ thời Văn Lang - Âu Lạc, và vượt qua mọi thử thách của lịch sử với một sức sống trường tồn bất diệt” [18]. Một tập truyện khác cũng của giới tăng lữ biên soạn vào thời Trần, khoảng cuối thế kỷ III, đó là *Thiên uyển tập anh* (Tập hợp những đóa

hoa đẹp trong vườn thiên). Đây là tập truyện về hơn 60 nhà sư ưu tú, là một tập chân dung văn học có tính chất dã sử và giai thoại dân gian, trong đó có ghi lại thần thoại về Sóc Thiên Vương. Tuy nhiên, nhận định chung của giới nghiên cứu là: “Nhìn chung số lượng truyện thần thoại được sưu tầm ghi chép trong các thư tịch cổ không nhiều và hầu hết đều là những truyện đã bị truyền thuyết hóa, lịch sử hóa như các truyện về *Họ Hồng Bàng*, *Lạc Long Quân - Âu Cơ*, *Sơn Tinh - Thủy Tinh*” [23]. Và do đó, phải đến những nghiên cứu của Nguyễn Đồng Chi với *Lược khảo về thần thoại Việt Nam* [3] thì thần thoại học Việt Nam mới chính thức đánh dấu mốc cho sự hình thành của ngành. Tiếp đó, có thể kể đến Hoàng Trọng Miên với *Việt Nam văn học toàn thư* [40]; Vũ Ngọc Khánh, Phạm Minh Thảo, Nguyễn Thị Huế với *Kho tàng thần thoại Việt Nam* [32]; Nguyễn Thị Huế (chủ biên) với *Tổng tập văn học dân gian các dân tộc thiểu số Việt Nam* [23]. Trong đề tài cấp Bộ của Viện Văn học: *Thần thoại Việt Nam - Lý thuyết thể loại và thực tiễn lưu truyền*, đã có bản kê được đưa vào diện khảo sát 359. Tất nhiên, đây chưa phải là con số chính xác tuyệt đối và cũng không phải là con số cuối cùng. Tuy nhiên, thông qua con số này, chúng ta cũng có thể thấy được mức độ phong phú của di sản thần thoại [59].

Tuy nhiên, “trữ lượng” của thần thoại Việt Nam hiện nay đã khả quan hơn bởi sự bổ sung của các công trình của các học giả nước ngoài đang lần lượt được dịch ra tiếng Việt như *Người Mường* của J. Quydinie; *Rừng, đàn bà, điên loạn, Miền đất huyền ảo* của J. Dournes; *Chúng tôi ăn rừng... Không gian xã hội vùng Đông Nam Á* của Georges Condominas; các công trình

của A. Bonifacy, J. Boulbet, L. Cadriere... hay *Mọi Kon Tum* (được xuất bản với tiêu đề: *Người Ba-na ở Kon Tum*) [4] của Nguyễn Kinh Chi, Nguyễn Đồng Chi. Ở các tác phẩm này, chúng ta sẽ bắt gặp những thần thoại “sống” được ghi chép chân thực từ những “cô gái rất trẻ”, “ngây ngô”, thậm chí là “một mớ trộn lẫn hồ lộn nhiều huyền thoại” như lời của J. Dournes. Tuy nhiên, đây chính là những bổ sung cần thiết cho hệ thống thần thoại Việt Nam.

Ngoài ra, không thể không kể đến thành tựu sưu tầm thần thoại trong những năm gần đây, thành tựu đáng kể nhất chính là các bộ từng thư: *Tổng tập văn học dân gian người Việt* (19 tập, 2002-2006) và *Tổng tập văn học dân gian các dân tộc thiểu số* (23 tập, 2007-2010); *Kho tàng sử thi Tây Nguyên* (107 tác phẩm trong khuôn khổ 91 tập; đợt I: 2001-2008; đợt II: 2009-2011) của Viện Nghiên cứu Văn hoá dân gian và Nhà xuất bản Khoa học xã hội, dự án “Công bố, phổ biến tài sản văn hóa văn nghệ dân gian các dân tộc Việt Nam” (giai đoạn I: 2008-2012 với 1.000 tác phẩm; giai đoạn II: 2013-2017 dự kiến công bố 1.500 tác phẩm) của Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam... Đó là chưa kể đến Ngân hàng dữ liệu di sản với “gần 700.000 phút phim, hàng nghìn bức ảnh tư liệu và các báo cáo khoa học, và việc liên tục xây dựng, ghi chép, sưu tầm và cập nhật những tư liệu mới” của Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch... Điểm đầu tiên dễ nhận thấy ở những cuộc điều tra này là số lượng nhân lực được điều động, thời gian tiến hành và sự phong phú về tư liệu sưu tầm được đều chưa từng có so với trước kia. Vì vậy, nguy cơ các thần thoại bị mất đi do những biến động

văn hóa - xã hội đang diễn ra rất nhanh hiện nay có thể nói đã được khắc phục một cách tích cực.

Với văn học dân gian, công tác sưu tầm là rất quan trọng. Những thành tựu của công tác sưu tầm ghi chép di sản huyền thoại phong phú, đa dạng về mặt lịch sử - văn hoá tộc người của Việt Nam trong những năm qua cho thấy, chúng ta hoàn toàn có thể tin tưởng vào một giai đoạn mới với những nghiên cứu một cách toàn diện và hệ thống.

Công tác điều tra ở quy mô lớn này cũng chính là tiền đề để các nhà thần thoại học Việt Nam phát hiện ra những đối tượng nghiên cứu và những vấn đề khoa học, đồng thời cung cấp những phương hướng tư duy mới, tạo đà cho một giai đoạn tái nhận thức và nghiền ngẫm lý luận trong tương lai.

3. Những hướng nghiên cứu chính

Việc nghiên cứu di sản thần thoại Việt Nam đa tộc người đã sớm thu hút sự chú ý của các nhà nghiên cứu và đã có những thành tựu đáng quý. Đó là những nghiên cứu mang tính chất giới thiệu ở các bộ sưu tập thần thoại của Nguyễn Đồng Chi, Hoàng Trọng Miên, Vũ Ngọc Khánh, Phạm Minh Thảo, Nguyễn Thị Huế, Bùi Văn Nguyên [44]; và gần hơn nữa là Trương Sĩ Hùng [28]; Giàng Seo Gà [15]; Chu Thùy Liên [36]; Lê Phong [49]; Sử Văn Ngọc [42]; Chu Thùy Liên, Đặng Thị Oanh [37]..., các giáo trình văn học dân gian của Đinh Gia Khánh, Chu Xuân Diên, Võ Quang Nhơn [33], Phan Đăng Nhật [46], Đỗ Bình Trị [54], Hoàng Tiến Tựu

[56]... Bên cạnh đó là một số chuyên luận hiếm hoi của Phúc Khánh [31], Cao Huy Đình [11], hay gần đây là Đình Văn Lành [34]... Ngoài ra, các công trình của Nguyễn Hằng Phương [50]; Vũ Anh Tuấn [55]; Nguyễn Bích Hà [17]; Nguyễn Thị Huế [22]... cũng đều ít nhiều đề cập đến thần thoại. Nhiều bài viết về thần thoại của các nhà nghiên cứu đã có những đóng góp không nhỏ cho công tác nghiên cứu thần thoại ở Việt Nam: Cao Huy Đình và Đặng Nghiêm Vạn [12]; Đặng Nghiêm Vạn [57]; Nguyễn Tấn Đắc [10]; Trần Quốc Vượng [61]; Phan Ngọc và Phan Đăng Nhật [41]; N. I. Niculin [48]; Trương Sĩ Hùng [27]; Ngô Văn Doanh [7], [8]; Phan Đăng Nhật [47]; Nguyễn Thị Huế [24], [25]...

Có thể nhận thấy khuynh hướng chung của thần thoại học Việt Nam chủ yếu đi theo hai hướng: lịch sử - tư tưởng và type - motif. Ở khuynh hướng lịch sử - tư tưởng, có thể nói, Chủ nghĩa Euhemerism hay “Thuyết sự thật lịch sử của thần thoại” từ thời kỳ cổ đại Hy Lạp vẫn luôn theo sát bước đường phát triển của thần thoại học Việt Nam, đồng thời lý thuyết này đã được “thời đại hóa” bởi quan niệm nghệ thuật của các nhà mác-xít. Công trình đầu tiên của thần thoại học Việt Nam (*Lược khảo về thần thoại Việt Nam*) của Nguyễn Đồng Chi là một minh chứng điển hình khi tác giả của nó đưa ra những kiến giải mà cho đến nay vẫn là “bài học nằm lòng” cho các nhà nghiên cứu khi nhắc đến thần thoại: thần thoại nước ta là sự phản ánh xã hội chất phác, ấu trĩ thời cổ; giao lưu và tiếp nhận ảnh hưởng của thần thoại Trung Quốc nhưng vẫn giữ được sắc thái và bản lĩnh dân tộc Việt Nam.

Tương tự, trong các công trình nghiên cứu thần thoại khác chịu ảnh hưởng của khuynh hướng này, chúng ta thường xuyên gặp lại Ph. Ăng-ghe-nơ với quan điểm: “Thần thoại là sản phẩm tinh thần của người nguyên thủy, nội dung của nó mang nặng tính chất hoang đường ảo tưởng nhưng trong đó cũng chứa đựng nhiều yếu tố có giá trị quan trọng về nhiều mặt. Sự nhận thức và lý giải sai lầm, ảo tưởng về thế giới ở trong thần thoại là điều tất yếu không thể tránh khỏi” [2, tr.315]; hay C. Mác: “Thần thoại nào cũng chinh phục, chi phối và nhào nặn những sức mạnh tự nhiên ở trong trí tưởng tượng và bằng trí tưởng tượng. Tiền đề của nghệ thuật Hy Lạp là thần thoại Hy Lạp, tức là tự nhiên và bản thân hình thái xã hội đã được trí tưởng tượng của dân gian chế biến đi một cách nghệ thuật và vô ý thức. Không thể nào hiểu đúng được thần thoại nếu tách nó ra khỏi xã hội nguyên thủy, nơi mà nhu cầu lý giải, chinh phục tự nhiên và xã hội của con người thời cổ đại gắn liền với thế giới quan thần linh hay cũng gọi là thế giới quan thần thoại. Dùng trí tưởng tượng để hình dung, giải thích và chinh phục thế giới, người nguyên thủy đã tạo ra thần thoại và thần thoại là một hình thái ý thức nguyên hợp đa chức năng, nó vừa là khoa học vừa là nghệ thuật vô ý thức, đồng thời còn là tín ngưỡng, tôn giáo của người nguyên thủy” [33, tr.9]; rồi L. Phoi-ơ-bắc: “Thần của người ta không phải là cái gì khác hơn là sự thần thánh hoá bản chất con người” [35, tr.336]. M. Gorki quan niệm rằng, thần thoại là sự phản ánh hiện tượng tự nhiên và cuộc sống xã hội trong sự khái quát nghệ thuật rộng lớn [30] và tài năng của các thần chẳng qua chỉ là sự “lý tưởng hoá những khả năng của con

người” [16]. đề cao tinh thần lao động sáng tạo và chiến đấu không ngừng chống kẻ thù “bốn chân và hai chân” của con người và từ trong quá trình đó sáng tạo nên nhiều vị thần tượng trung cho ý chí chiến đấu. Viên Kha cho rằng: thần thoại “phản ánh đời sống xã hội nhất định, là thượng tầng kiến trúc sinh ra trên một cơ sở xã hội nhất định, là nghệ thuật của một hình thái quan niệm” [29, tr.5]...

Tựu chung, các quan điểm trên đều hướng đến sự khẳng định thần thoại tuy không phải là lịch sử, nhưng cũng mang “bóng dáng của lịch sử”, “mang dấu ấn khá rõ rệt của thời đại xã hội” [1].

Với đặc thù của Việt Nam, việc nghiên cứu thần thoại để khẳng định cội nguồn Việt cổ, khẳng định khối Việt - Mường chung trở thành một ý thức tự giác, thậm chí ở một số người đã trở thành một thái độ quyết liệt. Bùi Văn Nguyên đã thông qua một số motif tiêu biểu trong mấy truyện cổ các dân tộc thiểu số Việt Nam như: truyện *Quả bầu* của dân tộc Dao, truyện *Ngu Cơ* và *Long Vương* (Ngu còn có âm là U hoặc Âu) của dân tộc Mường, truyện *Á Chức - chàng Ngu* của dân tộc Kinh và các dân tộc dọc biên giới Việt - Trung, truyện *Lương Sơn Bá - Chức Anh Đài* của dân tộc Nùng, truyện *Con chị, con em* của dân tộc Tày, truyện *Chàng trai nghèo khổ* của dân tộc Cao Lan... để khẳng định: tất cả đều có nguồn gốc Bách Việt, chứ không phải gốc Hoa, như có sách đã ghi theo những tài liệu đã bị xuyên tạc, đánh lộn sòng. Bùi Văn Nguyên nhận định: “Những cộng đồng Bách Việt là những cộng đồng có mặt ở “một địa bàn bao la từ bán đảo Sơn Đông, trải dài đến tận mũi Cà Mau (Minh Hải),

kể cả một số hải đảo ở Đông Hải, Nam Hải... tức những cộng đồng bản địa, cội nguồn của những chủ nhân làm ra lịch sử thời viễn cổ ở Trung Quốc và ở Việt Nam” [44, tr.269]. Do đó, khảo cứu thần thoại nói riêng, văn học dân gian Việt Nam nói chung đối với Bùi Văn Nguyên chính là nhằm: bóc lớp, nhận diện những giá trị, những nhân vật lịch sử, văn hóa vốn có nguồn gốc Bách Việt đã bị đồng hóa hoặc bị xuyên tạc thành văn hóa Hán của người Hán. Có thể thấy tư tưởng khẳng định bản sắc dân tộc này trong giáo trình *Văn học dân gian Việt Nam* (1962) của Đinh Gia Khánh, ông cho rằng: Thần Nông lúc đầu vốn có trong thần thoại của Miêu tộc, dân tộc Hán sau này đã nhập vị thần này vào sổ bạ nhà thần Hán tộc [33, tr.76-77]. Đặng Thái Huyền cho rằng: “Thần thoại Hán có truyện *Hậu Nghệ bắn mặt trời*. Việt có truyện *Thằng Quái* trèo lên núi cao dùng cát sỏi ném túi bụi vào mặt trời, khiến mặt trời phải trốn chạy lên cao. Thần thoại các tộc Thái, Mèo, Tày đều có chi tiết bắn mặt trời. Nằm giữa cư dân trồng lúa nước, người Việt - Mường đã đón nhận mặt trời như đón nhận thời tiết, thời vụ trồng cấy. Mặt trời, do vậy mới chiếm vị trí trung tâm trên mặt trống đồng Đông Sơn. Và quanh mặt trời, sinh hoạt hiện diện trong những vòng hoa văn, gây cảm giác về sự vận động vòng tròn với những chu kỳ lặp. Phong kiến Hán không dùng mặt trời làm biểu tượng tối linh, mà lấy rồng làm vật biểu tượng tối linh. Nhưng thần thoại về Hậu Nghệ bắn mặt trời hẳn có mối liên hệ với thần thoại Bách Việt². Ở đây chúng tôi chưa có khả năng chứng minh nguồn phát các motif trên. Nhưng Viêm Đế Thần Nông thì có

nhieu cơ sở là vị thần nông nghiệp phương Nam đã được Hán đưa vào hệ thần thoại Trung Hoa” [52].

Kim Định quan niệm rằng, các tộc người Bách Việt là chủ nhân của văn minh Trung Hoa, sáng tạo ra văn minh Trung Hoa, sau vì thua chạy nhường lại nền văn minh ấy cho kẻ đến sau là Hán tộc. Kim Định cũng phát hiện cách gọi tên các nhân vật huyền sử Trung Quốc xưa kia: “... Thần Nông mà không Nông Thần; Nữ Oa, mà không Oa Nữ, Đế Chí, Đế Cốc, Đế Nghiêu, Đế Thuấn mà không Nghiêu Đế, Thuấn Đế. Lỗi đọc kiểu đó đã được ghi trong sách Trung Quốc thì có thể kết luận khi người Tàu vào thì những tên đó đã quá phổ cập trong dân gian rồi nên họ chỉ ghi nhận mà không nghĩ đến Hán hoá” [13, tr.247].

Vậy là vô hình trung, nghiên cứu thần thoại theo khuynh hướng lịch sử tư tưởng lại bị hút về vấn đề Bắc - Nam (quan hệ giữa Trung Quốc và Việt Nam) như một sự nối dài truyền thống từ trong quá khứ. Đường hướng chủ đạo này cũng đã chi phối những nhà nghiên cứu khoa học nhân văn của Việt Nam, bởi họ cho rằng, quá trình phát triển lịch sử ở Việt Nam là quá trình phi Hán hoá hay nói chung, trong tư tưởng Việt Nam, Nho giáo chỉ là cái vỏ, cái áo khoác ngoài...

Về khuynh hướng khẳng định khối Việt Mường chung, đúng như N. I. Niculin khẳng định: “Trong ngành nghiên cứu văn học của Việt Nam đã hình thành truyền thống so sánh cốt truyện và môtip của sử thi - thần thoại Mường *Đẻ đất đẻ nước* với *Lĩnh Nam chích quái*, chúng tương đồng nhau dựa trên những nguồn cội chung - thần thoại Việt - Mường, bởi vì, theo giả thuyết được chấp nhận hiện nay thì người

Việt và người Mường trong một thời gian dài vốn cùng một gốc và chỉ mới tách ra vào khoảng giao thời giữa thiên niên kỉ thứ nhất và thứ hai sau Công nguyên” [38], [45]. Sự tương đồng này dễ nhận thấy mặc dù “giữa sử thi - thần thoại, tồn tại trong hình thức truyền miệng của dân tộc Mường, Thái và các tập truyện ngắn Việt Nam trung đại có ranh giới rõ ràng, ranh giới ấy phân chia thành các nền văn hoá của các dân tộc thiểu số và đa số, thành các tác phẩm văn học dân gian và văn học viết” [45].

Trên cơ sở đối chiếu *Đẻ đất đẻ nước*, *Mơ lên trời* (Mường) với kho tàng thần thoại Việt, Phan Ngọc và Phan Đăng Nhật đã đi đến kết luận: “Trên đất Việt Nam, các tộc người đều là anh em và sự gắn bó bắt nguồn từ thuở xa xưa từ quả bầu, từ bọc trứng, từ quả trứng Tiếng thần kỳ. Đã đến lúc phải nói đến một hệ thống thần thoại Việt - Mường, trong đó có sự đóng góp của hệ thần thoại Mường là to lớn. Hai hệ này là cùng chung một gốc, và trong đã phát triển đã bổ sung cho nhau. Tuy bề ngoài có rất nhiều chỗ khác nhau, nhưng điều đó không hề bác bỏ tính thống nhất về bản chất” [41]. Phan Đăng Nhật vẫn tiếp tục mạch tư duy này trong các công trình nghiên cứu về sau [47]. Nguyễn Thị Huệ cũng thuộc truyền thống khẳng định Việt - Mường chung như vậy [20], [21].

Có thể thấy, ở khuynh hướng lịch sử - tư tưởng, các nhà thần thoại học Việt Nam đã làm nổi bật đặc sắc của thần thoại Việt Nam, phản ánh được thần thoại Việt trong mắt người Việt Nam. Trọng tâm chú ý của khuynh hướng này tập trung vào thần thoại của một ngữ cảnh văn hóa xã hội đặc định của Việt Nam, và không chỉ giới thiệu các thần thoại trong thư tịch được ghi chép

bằng chữ Hán mà còn cố gắng làm nổi bật những thần thoại truyền miệng hiện còn lưu truyền trong truyền thống thần thoại phong phú đa sắc của các dân tộc thiểu số. Việc xác định thời kỳ ra đời của những hệ thần thoại cụ thể hay những tranh luận về cội nguồn Việt cổ phi Hoa, phi Ấn của một số thần thoại trọng điểm; khẳng định khối Việt Mường chung... là những mục đích chủ yếu của khuynh hướng nghiên cứu này.

Về hướng nghiên cứu type - motif, đối với văn học dân gian nói chung, thần thoại nói riêng, type - motif không chỉ là công thức nghệ thuật mà còn là lối tư duy thể hiện trong hình thức sống động. Do đó, nghiên cứu type - motif sẽ cho ta thấy không chỉ cách xây dựng cốt truyện, nhân vật, cách kết nối các motif mà còn là cả những vấn đề tư tưởng cơ bản của tác phẩm. Mặc dù ở Việt Nam, việc nghiên cứu truyện kể dân gian theo phương pháp type và motif được bắt đầu tương đối muộn và cho đến nay, Bảng tra type và motif mang tính thế giới vẫn chưa được dịch và công bố tại Việt Nam, song vẫn có thể nhận ra những bài viết của Đặng Nghiêm Vạn, Nguyễn Tấn Đắc... và gần đây là Nguyễn Thị Huế, La Mai Thi Gia, Đặng Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Thanh Trâm... ít nhiều đã ứng dụng một cách có hiệu quả cách tiếp cận của phương pháp này. Các nghiên cứu đó đã đặt các type, motif thần thoại Việt Nam trong hệ thống thần thoại Việt Nam đa tộc người hoặc trong tương quan so sánh với các nền văn hóa cùng khu vực và trên thế giới, từ đó phát hiện mối quan hệ tương tác cũng như những quan niệm và nguyên tắc thẩm mỹ trong sáng tạo. Việc ứng dụng phương pháp của trường phái Phần Lan này cũng thể hiện trong những công trình biên

soạn, sắp xếp tư liệu văn học dân gian mà công trình *Từ điển type truyện dân gian Việt Nam* là một cố gắng bước đầu, trong đó, thần thoại cũng đã được hệ thống thành 71 type [26].

Song, những công trình như vậy còn quá ít so với trữ lượng thần thoại phong phú ở Việt Nam, và gợi dẫn của Chu Xuân Diên về những hướng đi trong tương lai đáng để chúng ta tham khảo: “Mở rộng việc nghiên cứu huyền thoại Việt Nam sang những vấn đề tư tưởng có tính chất nhân bản - phổ quát thông qua việc ứng dụng các phạm trù thi pháp huyền thoại như các phạm trù hỗn mang và trật tự, nguyên mẫu và sự lặp lại, sự quay vòng tuần hoàn, tự nhiên và văn hoá, sống và chết...” [6, tr.3-21].

Một điểm đáng chú ý trong lĩnh vực nghiên cứu thần thoại là mảng tư liệu dịch trong những năm qua đã được tiến hành khá sôi nổi, đem lại nguồn thông tin nhiều chiều từ các nước khác nhau, các trường phái khác nhau trên thế giới, mở ra những hướng tiếp cận mới cho thần thoại học. Những cuốn sách công cụ về lý thuyết nghiên cứu nói chung, thần thoại học nói riêng được phổ cập đến độc giả, ví dụ Tủ sách Văn hóa học của Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, cơ quan ngôn luận của Bộ Văn hóa - Thông tin với các công trình như *Văn hóa nguyên thủy* (E.B. Taylor); *Tuyển tập V.Ia Propp* (với những công trình như *Hình thái học truyện cổ tích*, *Những gốc rễ lịch sử của truyện cổ tích thần kì*, *Lễ hội nông nghiệp Nga, Folklore và thực tại*); *Sự đồng đánh của phương pháp - các lý thuyết và phương pháp trong văn học nghệ thuật* (Đỗ Lai Thúy chủ biên, trong đó giới thiệu những *Huyền thoại Đức* của J. Grimm; *Bí ẩn của những siêu mẫu* của C. G. Jung...);

Cành vàng, Các huyền thoại về nguồn gốc của lửa (J. Frazer); *Kinh nghiệm thần bí và các biểu tượng ở người nguyên thủy* (L. L. Bruhl); *Không gian văn hoá nguyên thủy: Nhìn theo lý thuyết chức năng* (R. Lowie); *Phân tâm học và văn hoá tâm linh, Phân tâm học và văn hoá nghệ thuật* (S. Freud, C. Jung...).

Ngoài ra, có thể kể đến các công trình dịch quan trọng như: *Cái thiêng và cái phàm* của M. Eliade [14]; *Cấu trúc của thần thoại* của L. Strauss [19]; *Chủ nghĩa cấu trúc và văn học* (Trịnh Bá Đĩnh giới thiệu và dịch); *Nghệ thuật và vật lý: Những cái nhìn tương đồng về không gian, thời gian và ánh sáng* của L. Shlain [51]; *Thi pháp của huyền thoại* của E. M. Meletinsky [39]...

Bên cạnh đó, trong một số đề tài nghiên cứu về thần thoại cũng có phần tư liệu dịch, đây cũng là cách vừa giới thiệu vừa thử nghiệm tiếp thu phương pháp nghiên cứu mới. Một số chuyển biến mới về lý luận cũng có thể thấy trong các công trình nghiên cứu chuyên biệt. Tuy nhiên, cũng trên phương diện này, chúng ta nhận thấy nghiên cứu thần thoại trong những năm qua đã bộc lộ một hạn chế cơ bản, đó là nghiên cứu lý luận chưa có những đột phá mạnh mẽ. Trong các công trình nghiên cứu cụ thể, các tác giả chưa quan tâm đúng mức đến việc đổi mới phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu... Vì vậy, việc đổi mới về phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu chính là một nhiệm vụ cấp bách đặt ra cho nghiên cứu văn học dân gian nói chung và thần thoại nói riêng hiện nay. Có lẽ đây cũng là hạn chế chung của giới nghiên cứu Việt Nam. Tình trạng yếu kém của lý luận trong mọi lĩnh vực nghiên cứu từ lâu đã là một thực tế được thừa nhận. Hiếm thấy một công trình nghiên cứu thuần túy lý luận

trong khi mải mê điều tra sưu tầm vượt trội cả về số lượng và chất lượng. Đường như hầu hết đội ngũ các nhà nghiên cứu văn học dân gian những năm vừa qua đều bị hút vào làn sóng sưu tầm, trong khi những đúc rút lý luận lại cần phải có một quá trình nghiền ngẫm, khá xa lạ với những nghiên cứu thực dụng, cấp tập.

Đã đến lúc chúng ta phải nhìn lại thực trạng và tổng kết một cách hệ thống những phương pháp nghiên cứu thần thoại đã được áp dụng, tiến tới đổi mới về phương pháp nghiên cứu nhằm khai phá những lĩnh vực nghiên cứu mới, đưa ra những phát hiện mới, thúc đẩy sự phát triển học thuật.

Một vấn đề nữa là đội ngũ nghiên cứu. Đội ngũ nghiên cứu văn học và văn hóa dân gian của Việt Nam hiện nay có thể nói là khá hùng hậu với các viện nghiên cứu, các trung tâm, các trường đại học. Tuy nhiên, mặc dù đội ngũ nghiên cứu và chính sách văn hóa của Nhà nước những năm qua đã đem lại những động lực to lớn cho phát triển lý luận văn học và văn hóa dân gian, song không thể phủ nhận một thực tế là chúng ta chưa có những chuyên gia thần thoại học thực thụ. Nếu như trước đây, chúng ta đã có những nhà nghiên cứu hàng đầu đi vào lĩnh vực nghiên cứu thần thoại, thì nay, những ngành khoa học khác với khả năng tham dự cũng như hoạch định các vấn đề trọng đại của xã hội đã thu hút họ, và không thể không thừa nhận sự “mất giá” của ngành nghiên cứu này.

4. Thần thoại học ở Việt Nam trong tương lai

Hoàn toàn có thể tin tưởng rằng, thần thoại học Việt Nam đang đứng trước một

giai đoạn mới. Về tư liệu, tuy chưa thể nói là “gia tàng vạn quyển”, nhưng về cơ bản chúng ta đã quét được những văn bản chủ yếu, hệ thống một cách toàn diện về tư liệu văn học dân gian nói chung, thần thoại Việt Nam nói riêng; điều này cũng hứa hẹn một giai đoạn mới của nghiên cứu văn học dân gian nói chung, thần thoại nói riêng (chuyển sang những công trình nghiên cứu có chiều sâu). Tuy nhiên, cũng còn tồn tại nhiều vấn đề cần giải quyết, trong đó, đặc biệt là việc khắc phục sự đơn nhất và cũ kỹ của lý thuyết và phương pháp nghiên cứu đã làm cản trở tốc độ phát triển của nghiên cứu thần thoại Việt Nam trong một thời gian dài. Hệ quả là, chúng ta chủ yếu chú ý đến vấn đề nguồn gốc của thần thoại, chú tâm đi tìm cơ sở hiện thực của những tượng tượng của thần thoại, đồng thời quy nó về một giai đoạn phát triển lịch sử xã hội nào đó; những lý thuyết đã lạc hậu từ lâu trong lịch sử thần thoại học vẫn còn chiếm một vị trí nhất định ở Việt Nam; các nghiên cứu mới chủ yếu vận dụng nghiên cứu văn bản, thiếu tác nghiệp điền dã một cách nghiêm trọng, thiếu cập nhật các lý thuyết thần thoại học...

Việc đầu tiên hiện nay là hệ thống hóa lịch sử nghiên cứu thần thoại Việt Nam, hệ thống và tổng kết các type và motif thần thoại phong phú của Việt Nam theo một logic nội tại nhất định. Việc làm này không phải để vạch ra con đường địa lý của sự lưu truyền thần thoại như “lần theo dấu vết con thú về hang ổ của nó”, mà bởi vì: bao quát được một cách thấu đáo toàn bộ kho tàng thần thoại Việt Nam đa tộc người là chuyện vượt quá khả năng con người. Và để tìm lối đi trong “rừng rậm văn học” ấy, các bảng tra type và motif sẽ trở thành một chỉ dẫn

tìm đường, một cơ sở dữ liệu để bắt đầu cho một hành trình thám hiểm trong thế giới thần thoại mà nghiên cứu so sánh thần thoại theo các hệ thống type, motif sẽ là một lựa chọn tối ưu. Chúng ta biết rằng, nghiên cứu so sánh thần thoại rất quan trọng đối với việc hiểu đặc trưng các tầng lịch sử văn hóa của thế giới cổ đại và không ngẫu nhiên, ngành văn học so sánh chủ yếu xoay quanh trục trung tâm là các thần thoại. Thần thoại ngay từ đầu và cho đến giờ vẫn giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong ngành văn học so sánh. Văn học so sánh tìm cách phá vỡ những đường biên giới, và tầm hộ chiếu quan trọng của nó chính là huyền thoại [9]. Do đó, thần thoại học Việt Nam hoàn toàn có thể tập trung vào những type và motif mang tính phổ biến trên toàn thế giới như: tổ mẫu - phái sinh của nó; mặt trời - vua; hồng thủy và quy luật từ hỗn mang đến trật tự... Trong phạm vi khu vực, việc so sánh thần thoại Việt Nam với thần thoại miền Nam Trung Quốc (*Bàn Hồ, Nữ Oa, Hậu Nghệ...*) nhất là đối với các tộc người đa quốc gia cũng hứa hẹn nhiều đóng góp thú vị.

Chúng tôi cũng cho rằng, nghiên cứu văn bản sẽ vẫn là biện pháp quan trọng để nghiên cứu thần thoại. Bởi lẽ, chúng ta có khá nhiều những ghi chép lịch sử lâu đời, và những tư liệu văn bản này tương đối phong phú, vì vậy ở Việt Nam đã hình thành một truyền thống nghiên cứu văn bản khá vững vàng. Ngoài ra, do thần thoại học nói riêng, nghiên cứu văn học dân gian nói chung của chúng ta chịu ảnh hưởng từ hai phía: *thứ nhất* là ảnh hưởng của truyền thống ghi chép và khảo cứu Trung Hoa; *thứ hai* là ảnh hưởng của trường phái ngữ văn học trong folklore của Nga Xô viết. Hệ quả của nó là: không chỉ việc sưu tầm

văn hóa dân gian thường tập trung vào lĩnh vực văn học mà cách tiếp cận nghiên cứu cũng chịu nhiều ảnh hưởng của phương pháp ngữ văn học.

Tuy nhiên, nếu như trước đây chúng ta chủ yếu chú trọng nghiên cứu giá trị văn học của tác phẩm, thì nay, đã đến lúc chúng ta không thể thỏa mãn với việc giải quyết vấn đề “thuần văn học” mà phải hướng tới một tiếp cận liên ngành để xử lý vấn đề đặt ra một cách toàn diện, thấu đáo hơn. Mặc dù ở Việt Nam, cũng có một số công trình nghiên cứu thần thoại từ hướng tiếp cận liên ngành, song vẫn còn khá tản mạn. Ý nghĩa, vị trí, tính chất của văn học dân gian mà đặc biệt là thần thoại không chỉ giới hạn ở phạm vi nghệ thuật và thẩm mỹ. Do đó, nghiên cứu thần thoại nhất định không thể tách rời với bối cảnh văn hóa, từ góc độ văn hóa để xem xét văn hóa, lý giải hàm nghĩa văn hóa của thần thoại. Đối với một truyền thống văn - sử - triết bất phân như Việt Nam thì hướng tiếp cận liên ngành càng trở nên quan trọng. Việc kết hợp giữa thư tịch cổ đại với thần thoại truyền miệng “sống” cùng với kiến thức văn hóa học, dân tộc học (ví dụ sùng bái totem, sùng bái tổ tiên, sùng bái thần linh và sùng bái tự nhiên)... rất có thể sẽ đem lại những kiến giải độc đáo cho các nghiên cứu thần thoại. Thần thoại chính là một đột phá trong nghiên cứu khoa học liên ngành. Những hiện tượng văn hóa vật thể mà chúng ta còn lại là cả một nền văn hiến, một kho tàng văn hoá, một kho tàng di vật cổ, nổi bật là kho tàng trống đồng Đông Sơn nổi tiếng “một biểu tượng hoành tráng của văn hoá phi Hoa” [60] và được tập trung giải mã ở các biểu tượng mặt trời, cây đời, cây vũ trụ; bên cạnh đó là cả các hiện tượng văn hóa phi vật thể như các điệu Múa

thiêng [5]... Tất cả đều là những quan niệm thần thoại tiền sử được biểu đạt, được tự sự bằng hình vẽ, bằng vũ đạo. Về thần thoại học, chúng ta đã có những nghiên cứu mẫu mực như *Thần thoại Việt - Mường về cây thế giới và sự hình thành văn học* của Niculin. Với nghiên cứu này, Niculin đã dùng nhận định của Lưu Trần Tiêu để khẳng định ngay từ đầu rằng: “Những nền văn minh cổ xưa trên thế giới mà khoa học đã biết có rất ít những di chỉ gây ấn tượng độc nhất vô nhị như trống đồng. Cha ông ta đã để lại cho loài người một di sản vô giá” [53, tr.11]. Và cách làm của ông là đối chiếu các hình vẽ trên trống đồng với hệ thống thần thoại - sử thi *Đẻ đất đẻ nước* của người Mường, một dân tộc gần gũi với người Việt trong ngôn ngữ và văn hoá. Ông cố gắng “đọc” trống đồng, mà như ông nói: “Về những điều bí ẩn của các trống đồng, các nhà nghiên cứu Việt Nam viết: “Đã có biết bao học giả trong và ngoài nước cố gắng “đọc” những ngữ nghĩa được ghi lại trên trống để tái tạo lại cuộc sống và tâm thức người xưa. Đương nhiên, mỗi người có cách “đọc” riêng của mình và do đó hình ảnh xã hội được dựng lại không phải lúc nào cũng giống nhau” [29]. Một mặt, ông phát hiện ra tính đa chức năng của các trống đồng này. Trong số các chức năng đó, phải kể đến các chức năng thiêng liêng (làm môi giới giữa đất và trời) và chức năng thế tục, chức năng sinh hoạt (truyền các tín hiệu, lời mời trong nghi lễ, ngày hội, tiệc tùng). Mặt khác, theo ông, quan trọng hơn, trống đồng còn phản ánh một quan niệm về cây đời và cây thế giới.

Nghiên cứu của N. I. Niculin có thể coi như một điển hình thành công của việc giải thoát ra khỏi sự trói buộc của nghiên cứu

thuần văn học, đưa thần thoại từ một thể loại văn học được mở rộng nghiên cứu dưới góc độ văn hóa, và có thể ví nó với “gen văn hóa” hoặc “mã mẫu gốc của văn hóa” [62]. Nắm được mã mẫu gốc (mã cấp 1 của tư duy thần thoại), nhìn xuyên suốt các mã cấp 2 (mã của văn hoá chữ viết), rồi các mã cấp N về sau, chúng ta sẽ thấy có một quy tắc ngầm của mã văn hóa, đó chính là ý nghĩa thực tế của nghiên cứu thần thoại học.

Sau khi giới thiệu và phiên dịch những tài liệu lý thuyết thần thoại học của M. Eliade, E. Cassirer, L. Strauss, G. Dumézil... thì liệu Việt Nam có thể chỉ dựa vào cái phạm vi văn học đã được các bậc tiền bối vạch ra trước đây để nghiên cứu thần thoại nữa hay không? Đây là một câu hỏi đặt ra cho giới nghiên cứu thần thoại hiện nay. Các nghiên cứu của M. Eliade và đặc biệt là công trình *Thần thoại - nơi trở về vĩnh hằng* cho thấy, thần thoại không chỉ còn là một thể loại văn học mà là bao trùm cả lịch sử văn hóa, lịch sử tư tưởng. Điều đáng chú ý là: lúc đầu, tiêu đề tiếng Pháp của công trình là *Vũ trụ và lịch sử*, sau được đổi thành *Mẫu gốc và sự lặp lại*; và cuối cùng, khi xuất bản vào năm 1949, nó được lấy tên là *Thần thoại - luân hồi vĩnh hằng: mẫu gốc và sự lặp lại*. Phê bình mẫu gốc của N. Frye chịu ảnh hưởng rất lớn của M. Eliade, nhưng vẫn là mẫu gốc trong phạm vi văn học. M. Eliade đã đi đầu trong việc toàn cầu hóa tri thức và gây một chấn động trong giới nghiên cứu: đó là không hiểu thần thoại thì miễn bàn lịch sử, miễn bàn tư tưởng. Sẽ là bất cập nếu chúng ta vẫn chỉ giới hạn nghiên cứu thần thoại trong phạm vi văn học, hoặc là hoàn toàn không biết, hoặc nhìn mà không thấy, vẫn

đi con đường mòn của phân tích văn bản. Thần thoại học trên thế giới đang thay đổi từng ngày, tốc độ cũng như quy mô phát triển của nó là rất lớn. Năm 1996, nhà thần thoại học người Anh R. A. Segal đã biên soạn bộ từng thư đồ sộ mang tính tổng kết gồm 6 quyển là *Lý luận thần thoại*, trong đó văn học chỉ chiếm 1 quyển, cũng tức là một phần sáu, còn nhân loại học, tâm lý học chiếm 5 phần còn lại [63]. Và việc nghiên cứu thần thoại từ góc độ văn hóa còn có một ý nghĩa khoa học vô cùng quan trọng đối với những dân tộc chỉ có thần thoại mà không có lịch sử thành văn. Ở đây, tự sự của hiện vật sẽ bổ sung, thậm chí đính chính cho tự sự của văn bản. Cần dẫn lại một ví dụ thú vị của Diệp Thu Hiền (Trung Quốc) khi ông nhắc đến việc cú mèo bị coi là ác diệu, bất hiếu... trong thơ từ cổ của người Hán; song khi giới khảo cổ học khai quật mộ Tần Vương ở Cam Túc, Lễ huyện, phát hiện hình cú mèo ở bốn mặt quan tài - thì thần thoại Huyền diệu sinh thương được làm sáng rõ. Huyền diệu trước đây đã có hai thuyết: chim én, chim cú. Nhưng khi có trong tay hiện vật khảo cổ, thuyết chim cú chiếm ưu thế tuyệt đối. Kết quả đó kết nối với bộ mặt thần thánh nguyên thủy của động vật thần thoại này ở các dân tộc ngoại vi như Đài Loan, Nhật...; lại kết nối với hiện vật khảo cổ có niên đại trước Tần, một truyền thống sùng bái cú mèo đã dần dần hiện rõ. Và từ đây, Diệp Thu Hiền khẳng định, từ những tài liệu văn bản vô cùng hạn chế - từ những cuốn sách nhỏ - để mở ra những cuốn sách lớn - văn hóa, văn minh; đó sẽ là khuynh hướng nghiên cứu thần thoại trong tương lai [64].

Một điểm nữa là, nghiên cứu và khảo sát thần thoại “sống” của Việt Nam sẽ được

thúc đẩy mạnh mẽ. Thần thoại ra đời vào thời đại xa xưa, chưa có chữ viết, cùng với sự phát triển của xã hội, phạm vi tồn tại và truyền bá chủ yếu của nó chỉ hạn hẹp ở những khu vực và dân tộc hẻo lánh, trình độ phát triển văn minh còn thấp. Ngày nay, ngay cả những nền văn minh cổ đại mà trong lịch sử từng lưu truyền một kho tàng thần thoại phong phú như Ấn Độ, Hy Lạp thì giới thần thoại học chỉ còn có thể dựa vào các thư tịch ghi chép thần thoại “chết” mà thôi. Do đó, giới thần thoại học thế giới hoặc là dựa vào văn bản, hoặc dựa vào nguồn tài liệu sống từ các nền văn hóa nguyên thủy, từ đó đưa ra những tổng kết khoa học của mình. Sự hạn chế về mặt tư liệu như vậy không khỏi dẫn đến sự hạn chế về mặt phương pháp và các kết luận khoa học. Trong khi đó, chúng ta có những “vùng sử thi” với số lượng lớn, dung lượng đồ sộ, chúng ta may mắn còn lưu giữ được cả một không gian văn hoá đặc thù sống động và cả những nghệ nhân kiệt xuất. Đó chính là những tiền đề để thời đại chúng ta có được những công hiến lý luận mới trong lĩnh vực nghiên cứu này. Tuy nhiên, so với trữ lượng thần thoại sống phong phú đó, những nghiên cứu chuyên sâu của thần thoại học Việt Nam tỏ ra chưa tương xứng, còn rất nhiều câu hỏi quan trọng mà chúng ta chưa giải quyết được thấu đáo. Ví dụ: Một thể loại xa xưa như thần thoại, vì sao đến hôm nay vẫn được lưu truyền? Và điều kiện sinh tồn của thần thoại là gì? Những người đang diễn xướng thần thoại hôm nay, họ là ai? Việc diễn xướng thần thoại đối với họ có ý nghĩa gì? Dem so sánh những thần thoại sống của ngày hôm nay với những ghi chép trong thư tịch trung đại, thần thoại hôm nay đã có những biến đổi mang tính

quy luật nào? Nguyên nhân nào đã làm nên sức sống mãnh liệt của thần thoại Việt Nam đa tộc người?...

Việc học tập và vận dụng lý luận thần thoại học phương Tây sẽ có bước tiến mới. Một số công việc chúng ta đã làm được là giới thiệu những công trình nổi tiếng của thần thoại học thế giới. Tuy nhiên, công tác phiên dịch và giới thiệu cần phải được tiến hành có hệ thống và chiều sâu hơn, đặc biệt là cần phải chú trọng tính thích ứng đối với thực tiễn Việt Nam. Quan trọng hơn cả vẫn là vận dụng các lý thuyết này để nghiên cứu thần thoại Việt Nam. *Thứ nhất*, học tập và tìm hiểu một cách hệ thống các lý thuyết và phương pháp chủ yếu của thần thoại học phương Tây, nắm được bối cảnh ra đời, nội dung chủ yếu, vận dụng vào trường hợp nào, phương pháp phân tích trường hợp cụ thể thực tế, tìm hiểu những ưu nhược điểm của nó; *thứ hai* là căn cứ vào đặc điểm của thần thoại Việt Nam, lựa chọn những quan điểm, phương pháp hợp lý và thiết thực, áp dụng vào nghiên cứu trường hợp cụ thể của thần thoại Việt Nam, từ đó khảo sát tính thích ứng của lý thuyết phương Tây đối với nghiên cứu thần thoại Việt Nam.

5. Kết luận

Trên cơ sở tìm hiểu được một cách đầy đủ những đặc điểm của thần thoại học Việt Nam và những thành tựu mới của thần thoại học thế giới, giới nghiên cứu có thể đề xuất những lý thuyết và phương pháp thích hợp với thần thoại học Việt Nam, làm nên những đóng góp lý luận cho thần thoại học thế giới. Đây cũng chính là những mục tiêu mà thần thoại học Việt Nam cần hướng tới

và cũng là thời cơ mới của các nhà nghiên cứu Việt Nam để khắc phục những hạn chế của thần thoại học trong quá khứ, bù đắp những khoảng trống, đồng thời có những đóng góp mang tính đột phá cho lĩnh vực nghiên cứu này.

Chú thích

² Nguyên chú của Đặng Thái Huyền: chỉ các cộng đồng người tồn tại từ thời cổ, cư trú từ phía nam sông Dương Tử (theo Đào Duy Anh). Một số tộc người, trong đó có Việt - Mường, đã khai sinh nền văn minh lúa nước ở Đông Nam Á.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ngọc Anh (1964), “Một vài đặc điểm của thần thoại Ê Đê”, Tạp chí *Văn học*, số 4.
- [2] C. Mác, *Ph. Ăng-ghe-n toàn tập*, t.16, Nxb Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2008), Hà Nội.
- [3] Nguyễn Đồng Chi (1956), *Lược khảo về thần thoại Việt Nam*, Ban Văn Sử Địa, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Kinh Chi, Nguyễn Đồng Chi (2011), *Người Ba-na ở Kon Tum*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
- [5] Từ Chi (1996), *Góp phần nghiên cứu văn hóa và tộc người*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [6] Chu Xuân Diên (2007), *Huyền thoại và Văn học*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
- [7] Ngô Văn Doanh (2005), *Hình tượng gà trống trong thần thoại biểu đạt gì*, Tạp chí *Văn hoá nghệ thuật*, số 5.
- [8] Ngô Văn Doanh (2009), “Hình tượng đại bàng trong thần thoại”, Tạp chí *Văn hoá nghệ thuật*, số 1.
- [9] Cao Việt Dũng (2006), “Văn học so sánh ở Pháp”, Tạp chí *Nghiên cứu Văn học*, số 10.
- [10] Nguyễn Tấn Đắc (2001), *Truyện kể dân gian đọc bằng type và motif*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [11] Cao Huy Đình (1961), *Người anh hùng làng Dóng*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [12] Cao Huy Đình, Đặng Nghiêm Vạn (1971), “Về quá trình phát triển của hệ thống thần thoại Việt”, Tạp chí *Khảo cổ học*, số 8, 9.
- [13] Kim Định (1973), *Cơ cấu Việt Nho*, Nxb Nguồn sáng, Sài Gòn.
- [14] M. Eliade (2005), “Cái thiêng và cái phàm”, Tạp chí *Văn học nước ngoài*, số 1, 2.
- [15] Giàng Seo Gà (2004), *Tang ca (Kruôz cê) của người Mông Sa Pa*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [16] M. Gorki (1957) (Hoài Thanh dịch), *Báo cáo trước Đại hội các nhà văn Liên Xô trong phần bàn về thần thoại, cổ tích*, Tạp chí *Văn nghệ*, số 11.
- [17] Nguyễn Bích Hà (1998), *Thạch Sanh và kiểu truyện dũng sĩ trong truyện cổ Việt Nam và Đông Nam Á*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [18] Kiều Thu Hoạch (1998), “Vai trò của văn hóa dân gian đối với sự hình thành các thể loại tự sự trong văn học Việt Nam”, Tạp chí *Văn hoá dân gian*, số 1, 2.
- [19] Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (2006), *Những vấn đề nhân học tôn giáo*, Nxb Đà Nẵng, Tạp chí *Xưa và Nay*, Đà Nẵng.
- [20] Nguyễn Thị Huệ (1982), “So sánh về những nét tương đồng giữa *Đẻ đất đẻ nước* của người Mường và *Truyện họ Hồng Bàng* của người Việt”, Tạp chí *Văn học*, số 2.
- [21] Nguyễn Thị Huệ (1983), “Tìm hiểu về mô típ cây trong *Truyện họ Hồng Bàng*”, Tạp chí *Văn học*, số 6.

- [22] Nguyễn Thị Huế (1999), *Nhân vật xấu xí mà tài ba trong truyện cổ tích Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [23] Nguyễn Thị Huế (2009) (chủ biên), *Tổng tập văn học dân gian các dân tộc thiểu số Việt Nam*, t.3, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [24] Nguyễn Thị Huế (2011), “Thần thoại Bản mặt trời của các dân tộc Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Văn học*, số 7.
- [25] Nguyễn Thị Huế (2011), “Thần thoại về nguồn gốc cây lúa và sự phản ánh nét văn hóa nông nghiệp lúa nước các dân tộc Việt Nam”, *Tạp chí Văn hóa dân gian*, số 1.
- [26] Nguyễn Thị Huế (2012), *Từ điển type truyện dân gian Việt Nam*, Nxb Lao động, Hà Nội.
- [27] Trương Sĩ Hùng (1988), “Tìm hiểu quá trình diễn xướng của thần thoại và sử thi Mường”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 4.
- [28] Trương Sĩ Hùng (1995), *Thần thoại Việt Nam*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [29] Phạm Minh Huyền, Nguyễn Văn Huyền, Trịnh Sinh (1987), *Trống đồng Đông Sơn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [30] Viên Kha (1950), *Bàn về thần thoại*, tài liệu dịch của Viện Văn học, ký hiệu 34TK00000188.
- [31] Phúc Khánh (1961), *Thử tìm hiểu những yếu tố tư tưởng triết học trong thần thoại Việt Nam*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [32] Vũ Ngọc Khánh, Phạm Minh Thảo, Nguyễn Thị Huế (1995), *Kho tàng thần thoại Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [33] Đinh Gia Khánh (chủ biên), Chu Xuân Diên, Võ Quang Nhơn (1998), *Văn học dân gian Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [34] Đinh Văn Lành (2000), *Bước đầu tìm hiểu thần thoại dân tộc Thái Tây Bắc*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [35] V. I. Lê-nin (1962), *Bút ký triết học*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [36] Chu Thùy Liên (2008), *Thần thoại dân tộc Hà Nhì*, tài liệu đánh máy của Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam.
- [37] Chu Thùy Liên, Đặng Thị Oanh (2008), *Thần thoại Thái Điện Biên*, tài liệu đánh máy của Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam.
- [38] Đặng Văn Lung (1988), *Giới thiệu tác phẩm: Đẻ đất đẻ nước: Sử thi Mường*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [39] E. M. Meletinsky (2005) (Song Mộc, Trần Nho Thìn dịch), *Thi pháp của huyền thoại*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [40] Hoàng Trọng Miên (1959), *Việt Nam văn học toàn thư*, t.1, Quốc hoa xuất bản, Sài Gòn.
- [41] Phan Ngọc, Phan Đăng Nhật (1991), “Thử xây dựng lại hệ thống huyền thoại Việt - Mường”, *Tạp chí Văn hoá dân gian*, số 1, 2.
- [42] Sử Văn Ngọc (2008), *Thần thoại Ra Glai*, tài liệu đánh máy của Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam.
- [43] Bùi Văn Nguyên (1961), *Giáo trình lịch sử văn học Việt Nam*, t.1, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [44] Bùi Văn Nguyên (1993), *Việt Nam: thần thoại và truyền thuyết*, Nxb Khoa học xã hội và Nxb Mũi Cà Mau.
- [45] Phan Đăng Nhật (1974), “So sánh một số truyền thuyết trong *Đẻ đất đẻ nước* của người Mường với các truyền thuyết về thời dựng nước của người Việt”, *Tạp chí Văn học*, số 1.
- [46] Phan Đăng Nhật (1981), *Văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam (trước Cách mạng tháng Tám 1945)*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
- [47] Phan Đăng Nhật (2001), *Nghiên cứu sử thi Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [48] N. I. Niculin (2000), “Thần thoại Việt - Mường về cây thế giới và sự hình thành văn học”, *Tạp chí Văn hóa dân gian*, số 4.
- [49] Lê Phong (2008), *Thần thoại Mạ - Cơ Ho*, tài liệu đánh máy của Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam.

- [50] Nguyễn Hằng Phương (1987), *Hình tượng “người khổng lồ” trong loại hình tự sự dân gian các dân tộc thiểu số miền Đông Bắc, Tây Bắc Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I, Hà Nội.
- [51] L. Shlain (2014) (Trần Mạnh Hà, Phạm Văn Thiều dịch), *Nghệ thuật và vật lý: Những cái nhìn tương đồng về không gian, thời gian và ánh sáng*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
- [52] Đặng Thái Huyền (1985), “Môtip sáng tạo vũ trụ trong sử thi *Đẻ đất đẻ nước*”, Tạp chí *Văn học*, số 4.
- [53] Lưu Trần Tiêu (1985), “*Trống đồng Việt Nam, lịch sử và hiện trạng*”, *Thông báo khoa học Viện Bảo tàng lịch sử Việt Nam*, Hà Nội.
- [54] Đỗ Bình Trị (1990), *Văn học dân gian Việt Nam*, t.1, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [55] Vũ Anh Tuấn (1991), *Khảo sát cấu trúc và ý nghĩa một số típ truyện kể dân gian Tày ở vùng Đông Bắc Việt Nam*, Luận án Phó Tiến sĩ Khoa học Ngữ văn, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
- [56] Hoàng Tiến Tựu (1999), *Văn học dân gian Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [57] Đặng Nghiêm Vạn (1972), “Về truyện Quả bầu mẹ ở Việt Nam”, Tạp chí *Văn học*, số 3.
- [58] Đặng Nghiêm Vạn (1997), *Nghiên cứu văn học dân gian Việt Nam*, t.1, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
- [59] Viện Văn học (2009-2010), *Thần thoại Việt Nam - Lý thuyết thể loại và thực tiễn lưu truyền*, Đề tài cấp Bộ (tài liệu chưa xuất bản; Mã số CT 09-12-05).
- [60] Trần Quốc Vượng (1982), “Mấy ý kiến về trống đồng và tâm thức Việt cổ”, Tạp chí *Khảo cổ học*, số 3.
- [61] Trần Quốc Vượng (2009), *Lễ hội Thánh Gióng*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [62] J. G. Oosten (1985), *The War of the Gods: Social Code in Indo-European Mythology*, Routledge, London.
- [63] R. A. Segal (1996), *Theories of Myth*, (6 Vols: Vol.1. *Psychology and Myth*; Vol.2. *Anthropology, Folklore, and Myth*), Garland Press, New York.
- [64]..叶舒宪(2009),《迎接神话学的范式变革》·《民族艺术》第3期.